

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-01-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Công và bà Phan Thị Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã AyunPa, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Ngọc M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ B, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Anh Lê Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Chị Võ Thị T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 26/9/2024; bản tự khai ngày 15/10/2024, nguyên đơn anh Lê Ngọc M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ B, phường H, thị xã A. Trong thời gian chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên chị T đã bỏ đi từ đó đến nay, anh không biết chị T ở đâu, làm gì. Sau nhiều lần tìm kiếm và đăng tin tìm kiếm nhưng không có kết quả. Ngày 26/9/2024, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa đã tuyên bố chị Võ Thị T mất tích theo yêu cầu của anh M. Nay anh M yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên là: Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/5/2010. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ tài sản của ai và không ai nợ tài sản của vợ chồng.

Đối với bị đơn chị Võ Thị T:

Bị đơn chị Võ Thị T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng tại tổ B, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho chị T nhưng đến ngày mở phiên tòa chị T vẫn vắng mặt và không có tin tức gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong việc giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giải quyết cho anh Lê Ngọc M ly hôn với chị Võ Thị T

- *Về con chung:* Giao cho anh Lê Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là: Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/5/2010. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Ngọc M không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng không nợ tài sản của ai nên không xét.

- *Về án phí:* Anh Lê Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Lê Ngọc M yêu cầu Tòa giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa anh và chị Võ Thị T. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ B, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án. Anh Lê Ngọc M là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh Lê Ngọc M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị T là bị đơn trong vụ kiện, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lê Ngọc M và chị Võ Thị T tại phiên tòa theo khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Ngọc M và chị Võ Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hai người tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/5/2010 tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai. (Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21/2010 ngày 17/5/2010 của UBND phường H, thị xã A). Theo anh M khai thì quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống chung của vợ chồng bình thường đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nên chị T đã bỏ đi từ đó đến nay không có tin tức xác thực về việc chị T còn sống hay đã chết. Vì vậy, ngày 26/4/2024 anh M đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Võ Thị T mất tích. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2024 Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa đã tuyên bố chị Võ Thị T mất tích. Nay anh M yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Tuy vậy, khi giải quyết vụ án, Tòa án vẫn tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập chị T làm việc, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền của đương sự cho chị T nhưng không có kết quả.

Xét thấy hiện tại chị T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được theo nguyện vọng chính đáng của anh M. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xem xét chấp nhận yêu cầu của anh Lê Ngọc M, cần tuyên xử cho anh M ly hôn với chị T là người đang bị tòa án tuyên bố mất tích là có căn cứ.

[3] Về việc nuôi con chung:

Xét nguyện vọng nuôi con của anh M thấy rằng hiện tại anh M có đủ các điều kiện về thu nhập, nơi ở để trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nguyện vọng của cháu N cũng muốn được bố chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của hai bên, căn cứ điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao cho anh Lê Ngọc M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/5/2010. Anh Lê Ngọc M không yêu cầu nên không xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Anh M không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung; hai bên không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Lê Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, 40, 227 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Ngọc M.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Lê Ngọc M ly hôn với chị Võ Thị T.

2. *Về con chung:* Giao cho anh Lê Ngọc M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 17/5/2010. Thời gian trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Lê Ngọc M tính từ ngày hôm nay (09/01/2025) cho đến khi con chung thành niên và tự lập được. Anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Võ Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. *Về án phí:* Anh Lê Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012099 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung quỹ Nhà nước (Đã nộp xong)

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Chi cục THA DS thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn

